

Bản án số: 125/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2019
V/v “Ly hôn, t/c về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

2. Ông Nguyễn Thành Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Xuyên – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: Bà Bùi Phương Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2019/QĐ-ST ngày 15/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị Huỳnh N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp P, xã Phú T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang

Tạm trú: Số 538 tổ 15 ấp B, xã B, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Đình N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn chị N có mặt. Bị đơn anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Chu Thị Huỳnh N trình bày:

Chị với anh Trần Đình N chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình chồng và có với nhau 01 con chung. Đến năm 2013 thì anh N đi làm ăn tại Bình Dương, khi con được 08 tháng thì chị đưa con

lên tìm chồng thì phát hiện anh N có quan hệ với người phụ nữ khác và sống chung với nhau như vợ chồng, sau khi được cha mẹ khuyên nhủ thì anh N có trở về và hứa sẽ chấm dứt tuy nhiên khi quay lại Bình Dương thì vẫn tiếp tục sống chung. Đến khi con được 15 tháng chị lại tiếp tục lên tìm chồng nhưng trong thời gian này anh N đi sớm về khuya không quan tâm đến vợ, vì nhớ con nên chị ở một tuần rồi quay trở về. Thời gian sau này anh N thay đổi nơi ở không cho ai biết, điện thoại thì không bắt máy, thỉnh thoảng anh N có nhắn tin chửi bới chị. Hiện nay tình cảm không còn, không thể hàn gắn lại được nên chị N yêu cầu giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Huỳnh N xin được ly hôn với anh Trần Đình N.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Trần Đình Anh T sinh ngày 16/5/2013. Sau ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Tại tờ tự khai và biên bản hòa giải bị đơn anh Trần Đình N trình bày:

Anh và Chu Thị Huỳnh N do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không cùng quan điểm, vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2017. Nay ý kiến của anh như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con.

- Về quan hệ con chung: Thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Trần Đình Anh Thư sinh ngày 16/5/2013. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N thì anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng mối quan hệ pháp luật, thụ lý và giải quyết đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xem xét áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Huỳnh N được ly hôn với anh Trần Đình N.

Về con chung: Giao cháu Trần Đình Anh T sinh ngày 16/5/2013 cho chị Chu Thị Huỳnh N chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con. Bị đơn anh Trần Đình N có đăng ký thường trú tại ấp P, xã Phú T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[2] Bị đơn anh Trần Đình N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Chị Chu Thị Huỳnh N và anh Trần Đình N chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21 quyền số 01/2013 ngày 01/3/2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu của chị Chu Thị Huỳnh N, thấy: Vợ chồng chị N và anh N đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị N trình bày rằng sau khi chị sinh con được 03 tháng thì anh N đi làm ăn tại Bình Dương, thời gian sau chị có đưa con lên thăm thì phát hiện anh N có quan hệ với người phụ nữ khác và sống chung với nhau như vợ chồng, bỏ mặc không quan tâm đến vợ con. Thời gian sau này anh N thay đổi nơi ở không cho ai biết, điện thoại thì không bắt máy,

thình thoảng có nhắn tin chửi bới chị. Tại biên bản hòa giải ngày 09/7/2019 anh N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không cùng quan điểm và anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, từ khi hòa giải đến nay Tòa án cũng đã nhiều lần mời đề động viên hàn gắn nhưng anh N vắng mặt và cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N. Căn cứ Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh N không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Chu Thị Huỳnh N.

[5] Về quan hệ con chung, thấy: Chị N và anh N thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Trần Đình Anh Thư sinh ngày 16/5/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân chị N là người trực tiếp nuôi con, đến năm 2016 thì tạm thời giao cho cha mẹ ruột anh N chăm sóc để đi làm ăn nhưng chị vẫn gửi tiền về hàng tháng để nuôi con. Qua biên bản xác minh thấy cháu Anh Thư hiện nay đang được ông Trần Đình Ly và bà Nguyễn Thị Lý (cha mẹ ruột anh N) chăm sóc, ý kiến của ông Ly, bà Lý đều thống nhất là nếu Nghị và Như ly hôn thì ông bà sẽ trả lại cháu Thư cho vợ chồng Như, Nghị đề tự quyết định ai sẽ là người nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Trần Đình Anh Thư cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[6] Chị N không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Huỳnh N được ly hôn với anh Trần Đình N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 21 quyển số 01/2013 ngày 01/3/2013 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Chị Chu Thị Huỳnh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trần Đình Anh T sinh ngày 16/5/2013.

Anh Trần Đình N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N phải tạo điều kiện cho anh N được quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Chu Thị Huỳnh N và anh Trần Đình N phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: Chị Chu Thị Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000224 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

Chị Chu Thị Huỳnh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Đình N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Phú Thuận nơi ĐKKH,;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Lâm